| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2023/HNGĐ - ST
Ngày 20/02/2023
*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đàm Nhân Trác.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hoan

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Xuân V, sinh năm 1984 ; Nơi cư trú : Thôn Quảng X, xã Chí M, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1983; Nơi ĐKHKTT : Số 373/TQ, ấp Tân Q, xã Tân M, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân B, thị xã Cai L, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị G, anh V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Trần Xuân V trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng G kết hôn với nhau tự nguyện, được UBND xã Tứ Xuyên cũ nay là xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/01/2017. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà chồng, cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn chị G đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị G.

Về con chung : Anh và chị G có một con chung là Trần Phúc Thanh H, sinh ngày 23/9/2018, hiện con đang sống cùng với chị G. Vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung và đồng ý sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị G.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:* Chị và anh Trần Xuân V kết hôn với nhau là tự nguyện, được UBND xã Tứ Xuyên cũ nay là xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau, không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau. Chị đã về quê sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc, anh V xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Trần Phúc Thanh H, sinh ngày 23/9/2018. Hiện nay cháu Hà đang ở với chị, vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh V, chị G đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ kỳ phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Xuân V, đề nghị xử cho anh Trần Xuân V được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng G; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Phúc Thanh H, sinh ngày 23/9/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về án phí: Anh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Xuân V khởi kiện ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng G; nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, chị G đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án Tứ Kỳ giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết chị G đã được Tòa án gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị G xin vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, anh V, chị G đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân V và chị Nguyễn Thị Hồng G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Xuyên cũ nay là xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 25/01/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị G là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của anh V, chị G, xác định trong quá trình sống chung, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, hai người không có tiếng nói chung, không quan tâm đến nhau, anh chị đã có thời gian ly thân dài và cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G không có mặt nhưng chị đã có văn bản thể hiện quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh V. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh V, chị G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh V ly hôn chị G là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh V và chị G có một con chung là Trần Phúc Thanh H, sinh ngày 23/9/2018, hiện tại con đang sống cùng với chị G. Khi ly hôn chị G có quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy cháu Hà còn nhỏ cháu đang ở ổn định với chị G, chị G có nguyện vọng muốn được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh V nhất trí, sự thoả thuận của anh chị phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh V, chị G đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh V khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Xuân V ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng G.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Phúc Thanh H, sinh ngày 23/9/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Trần Xuân V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Xuân V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0003235 ngày 04/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Anh V đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Nhân Trác**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Nhân Trác**